

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26/02/2021

Về việc: Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy

Đại diện VKSND huyện Thái Thụy tham gia phiên Tòa: Bà Trần Thị Tình –
Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐST- HNGĐ ngày 22/01/2021 và quyết định hoãn phiên Tòa số 13/2021/QĐST – HNGĐ ngày 18/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ninh Thị H, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: Khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Vũ Đăng B, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai tiếp theo và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Ninh Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Đăng B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau. Anh chị chung sống như vợ chồng từ năm 2014 đến ngày 27/02/2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Thái Thụy. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do anh B chơi bời, nghiện ma túy không hỏi han, không có trách nhiệm với vợ con. Tất cả tài sản trong nhà có thể cầm cố được anh B đều mang đi cầm cố. Từ tháng 01 năm 2020 đến nay, chúng chị sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có hai con chung là Vũ NA, sinh ngày 04/02/2015 và Vũ Khánh Q, sinh ngày 19/12/2019. Hiện nay hai con chung đang

ở cùng chị . Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung. Hiện nay chị đang ở cùng mẹ đẻ có nhà cửa ổn định, thu nhập bình quân 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/ tháng nên có đủ điều kiện nuôi con chung. Nếu được nuôi con chung chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị .

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện chị ở xa, phải nuôi con nhỏ và do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

* Anh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, đại diện UBND xã D cung cấp:

Anh Vũ Đăng B hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Tri Chỉ Phú, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên anh B là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên đi lang thang, đi về nhà không có giờ giấc cố định. Tại diện thôn xã và Tòa án đã nhiều lần đến nhà anh B để giao và niêm yết các thông báo, văn bản của Tòa án nhưng không gặp được anh B. Anh B ở cùng mẹ, còn bố đã chết nhưng mẹ anh B đi làm giúp việc ở Thành phố Hồ Chí Minh không có mặt tại địa phương. Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã D vào ngày 27/2/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng anh B, chị H nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh B nghiện ma túy, thường xuyên mang đồ đạc trong gia đình đi bán, không lo cho vợ con. Đến đầu năm 2020 chị H phải bỏ về quê mẹ để ở tỉnh Quảng Ninh để sinh sống. Về con chung: Anh B và chị H có hai con chung là Vũ NA, sinh năm 2015 và Vũ Khánh Q, sinh năm 2019. Hiện hai con chung do chị H nuôi dưỡng. Về tài sản chung địa phương không nắm rõ. Về nợ chung, không có cá nhân, tổ chức nào có ý kiến về nợ chung của vợ chồng anh B, chị H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm:

Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày là từ bỏ quyền của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật xử cho chị H ly hôn anh B. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Vũ NA, sinh ngày 04/02/2015 và Vũ Khánh Q, sinh ngày 19/12/2019. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe phần trình bày của đương sự và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Đăng B hiện đang cư trú tại xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên Tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị H và anh Vũ Đăng B xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Thái Thụy vào ngày 27 tháng 02 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh B, chị H thì thấy nguyên nhân chính là do anh B nghiện ma túy, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Chị H xin ly hôn, anh B không thể hiện quan điểm, không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng. Khi Tòa án thông báo anh đến Tòa án để hòa giải anh B không tham gia, không thể hiện quan điểm. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh B.

[3]. Về quan hệ con chung: Chị H và anh B có hai con chung là Vũ NA, sinh ngày 04/02/2015 và Vũ Khánh Q, sinh ngày 19/12/2019. Xét thấy, từ khi chị H và anh B sống ly thân, con chung được chị H chăm sóc phát triển bình thường, sức khỏe tốt và được ăn học đầy đủ. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và cam kết đủ điều kiện nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết B vụ án khác.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các bên có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ninh Thị H được ly hôn anh Vũ Đăng B.

2. Về con chung: Anh Vũ Đăng B và chị Ninh Thị H có hai con chung là Vũ NA, sinh ngày 04/02/2015 và Vũ Khánh Q, sinh ngày 19/12/2019. Sau khi ly hôn giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Vũ NA và Vũ Khánh Q.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền chăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở Vì quyền lợi mọi mặt của con chung chị H, anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ninh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002436 ngày 03/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo Bản án: Chị H, anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy;
- UBND xã D, Thái Thụy.
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Vương